

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH ĐẮK LẮK**  
Bản án số: 44/2026/HS-ST  
Ngày: 08 - 4 - 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị My My

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Kim Nga, ông Nguyễn Hữu Dụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Tân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2026/QĐXXST-HS ngày 20/ 3/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Kim K (T)** sinh ngày: 20/10/1962, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Quang T1, sinh năm 1926 (đã chết) và con bà Đỗ Thị V, sinh năm 1930; Bị cáo có vợ là Ngô Thị Kim T2, sinh năm 1963 và có 04 con (con lớn nhất sinh năm 1987 và nhỏ nhất sinh năm 1999); Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2025 đến ngày 12/9/2025 được hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại – Có mặt.

2. Họ và tên: **Hà Vy V1**, sinh ngày: 24/01/1978, tại tỉnh Đắk Lắk

Nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Ngọc L, sinh năm 1951 và con bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1956; Bị cáo có chồng là Huỳnh Sĩ H, sinh năm 1978 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2001 và nhỏ nhất sinh năm 2008); Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt.

3. Họ và tên: **Trần Thị Thu H1**, sinh ngày: 01/02/1993, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi thường trú: Số A, đường N, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện tại: Số D, đường N, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc B, sinh năm 1961 và con bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1969; Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn C, sinh năm 1984 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2017 và nhỏ nhất sinh năm 2023) ;Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Ngô Ngọc P, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. Ông Ngô Quang H2, sinh năm 1993; địa chỉ nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

3. Ông Ngô Thanh T4, sinh năm 1981; địa chỉ nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

4. Ông Ngô Quốc V2, sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Trung K1, sinh năm 1979, địa chỉ nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Uy V3, sinh năm 1988, địa chỉ nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Phương T5, sinh năm 1993, địa chỉ nơi cư trú cũ: Số nhà B, đường H, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ cư trú mới: Số G, đường Y, Phường B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

8. Bà Ngô Thị Kim T2, sinh năm 1988, địa chỉ nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

9. Thuế cơ sở 3 tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Số I, Ấ, L, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh P1 – Trưởng Thuế cơ sở 3 Đ.

Địa chỉ: Số I, Ấ, L, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

10. Hợp tác xã N1; Địa chỉ: Thôn D, xã H tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc B, sinh năm 1961 là xã viên Hợp tác xã N1.

Địa chỉ: Số A, đường N, phường T, tỉnh Đắk Lắk – Văng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:*

Hợp tác xã khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng N1 (gọi tắt là Hợp tác xã N1) được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện K cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số 401207000009, đăng ký lần đầu ngày 25/8/2008; đăng ký thay đổi lần 1 ngày 23/5/2017, đăng ký cấp lại lần 1 ngày 22/4/2019; địa chỉ trụ sở chính: Thôn D, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk); ngành nghề kinh doanh: Khai thác cát xây dựng, mua bán vật liệu xây dựng; nơi đăng ký quản lý thuế: Thuế cơ sở 3 tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo pháp luật: Đỗ Kim K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngày 09/3/2018, Hợp tác xã N1 được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 16/GP-UBND cho phép Hợp tác xã N1 khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên trên sông K thuộc xã H, huyện C và xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vị trí khai thác: Lòng sông Krông Ana có chiều dài 6,1 Km; được giới hạn bởi điểm 1 có tọa độ (X=1383937, Y=466383) đến điểm A có tọa độ (X=1384840, Y=469462), theo bản đồ khai thác khoáng sản; mức sâu khai thác tối đa là 2,9 m; công suất khai thác: 35.000m<sup>3</sup> cát nguyên khai/năm; thời hạn khai thác đến ngày 26/5/2027.

Hợp tác xã N1 ban đầu có 60 xã viên đăng ký tham gia hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát và được Sở Xây dựng tỉnh Đ cấp 18 Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (tàu hút cát và chở cát). Hợp tác xã N1 có Điều lệ hoạt động, quyền hạn và nhiệm vụ của Đỗ Kim K - Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật, chịu trách nhiệm trước đại hội thành viên và hội đồng quản trị về nhiệm vụ được giao; Hà Vy V1, sinh năm 1978, trú tại: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk làm Thủ quỹ; Nguyễn Phương T5, sinh năm 1993, trú tại: Số G Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk, làm Kế toán; Nguyễn Minh C1, sinh năm 1959, trú tại: phường V, thành phố Hồ Chí Minh làm Giám đốc điều hành mỏ.

Hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát được Đỗ Kim K cho phép các xã viên Hợp tác xã N1 cùng các cá nhân khác có đất làm bãi tập kết, có phương tiện tàu khai thác sẽ đăng ký bến bãi, tên phương tiện đứng tên của Hợp tác xã N1 để góp chung vào hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát. Đỗ Kim K chỉ đạo, điều hành các xã viên, cá nhân khi hoạt động khai thác cát về số ngày khai thác, số chuyến tàu khai thác trong ngày, khối lượng cát khai thác từng chuyến, khu vực khai thác cát trong phạm vi giấy phép; các chi phí liên quan đến thuê người lao động khai thác, mua nhiên liệu, sửa chữa phương tiện do các xã viên, cá nhân chịu trách nhiệm. Hợp tác xã N1 trang bị trạm cân, camera theo dõi hoạt động xuất bán cát, khối lượng cát do các xã viên, cá nhân khai thác khi

xuất bán ra ngoài phải được Hợp tác xã N1 theo dõi, tổng hợp để kê khai chấp hành nghĩa vụ thuế, xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Thực hiện Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên số 224 ngày 28/4/2025 của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đ đối với Hợp tác xã N1. Tại thời điểm kiểm tra, phát hiện 02 tàu đang khai thác cát trên lòng sông Krông Ana thuộc địa phận xã D, tỉnh Đắk Lắk gồm: Tàu (ký hiệu N 04), do Ngô Quang H2, sinh năm 1993 và Ngô Thanh T4, sinh năm 1981, cùng trú tại: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk điều khiển; Tàu (ký hiệu N 12), do Ngô Quốc V2, sinh năm 1985 và Nguyễn Trung K1, sinh năm 1979, cùng trú tại: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk điều khiển. Ngoài ra, còn có tàu (ký hiệu N 10) của Nguyễn Văn D1, sinh năm 1969, trú tại: Số B H, phường T, tỉnh Đắk Lắk và tàu (ký hiệu N 16A) của Trần Thị L1, sinh năm 1990, trú tại: Thôn K, xã D, tỉnh Đắk Lắk, đang bơm hút cát từ khoang tàu lên bãi tập kết.

Quá trình hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát tại Hợp tác xã N1 được Đỗ Kim K tổ chức cho các xã viên, cá nhân sử dụng phương tiện tham gia, như sau:

Đỗ Kim K không có bãi tập kết cát nhưng có sử dụng tàu (ký hiệu N 04) khai thác cát. Ngày 14/4/2025, Đỗ Kim K thuê Ngô Quang H2 và Ngô Thanh T4 điều khiển tàu khai thác cát, với tiền công 600.000 đồng/chuyến tàu. Tuy nhiên, do mực nước sông xuống thấp, khu vực khai thác cát nhiều bùn, tàu khó đi lại. Sau đó, Ngô Quang H2 và Ngô Thanh T4 thông báo cho Đỗ Kim K biết tại “khu vực Đ” thuộc thôn Đ, xã D, tỉnh Đắk Lắk có tàu (ký hiệu N 04) của Ngô Ngọc P, sinh năm 1960, trú tại: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk, đang khai thác có cát sạch. Nên từ ngày 15/4/2025 cho đến ngày 28/4/2025, Đỗ Kim K chỉ đạo Ngô Quang H2 và Ngô Thanh T4, điều khiển tàu khai thác cát tại “khu vực Đ” là khu vực ngoài phạm vi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, được tổng cộng 38 chuyến, với tổng khối lượng 1.498,279 m<sup>3</sup> cát thô. Trong đó: Khối lượng 1.476,448 m<sup>3</sup> cát (37 chuyến tàu x 39,904 m<sup>3</sup> cát/chuyến) đã được bơm lên bãi tập kết của Hà Vy V1 và Trần Thị Thu H1 tại Hợp tác xã N1; 21,831 m<sup>3</sup> cát tồn trên tàu Nam Sơn 04, để mua bán nội bộ với V1 và H1, giá thỏa thuận 4.000.000 đồng/chuyến, V1, H1 chưa thanh toán tiền mua cát.

Ngô Ngọc P và Lê Thị Thanh T6 (là vợ của Ngô Ngọc P) là xã viên Hợp tác xã N1, có 01 tàu (ký hiệu N) và 01 xe máy mức (máy đào bánh xích) nhãn hiệu Sumitomo để khai thác, tập kết, kinh doanh cát. Hàng tháng đóng góp vào quỹ của Hợp tác xã N1 số tiền khoảng 5.000.000 đồng. Ngô Ngọc P và Lê Thị Thanh T6 có 01 bãi tập kết cát diện tích khoảng 2.000 m<sup>2</sup> góp chung vào hoạt động của Hợp tác xã N1. Ngô Ngọc P thuê khoán tiền công 700.000 đồng/chuyến tàu cho Ngô Quốc V2, sinh năm 1985, Nguyễn Kiên T7, sinh năm 1979 và Nguyễn Duy V4, sinh năm 1988, cùng trú tại: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk điều khiển tàu khai thác cát. Từ ngày 14/4/2025 đến ngày 28/4/2025 Ngô Ngọc P chỉ đạo Ngô Quốc V2, Nguyễn Duy V4, Nguyễn Trung K1 điều khiển tàu khai thác cát tại “khu vực Đ”, là khu vực khai thác cát ngoài phạm vi được

cấp phép, tổng cộng khoảng 37 chuyến, mỗi chuyến khoảng 45 m<sup>3</sup> cát được bơm lên bãi tập kết. Tổng cộng được khối lượng 1.349,895 m<sup>3</sup> cát thô.

Hà Vy V1, sinh năm 1978, trú tại: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk và Trần Thị Thu H1, sinh năm 1993, trú tại: Số D N, phường T, tỉnh Đắk Lắk có 01 tàu (ký hiệu N), 02 xe máy mức (máy đào bánh xích) nhãn hiệu Sumitomo và K2 hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát tại Hợp tác xã N1. Hàng tháng đóng góp vào quỹ của Hợp tác xã số tiền khoảng 13.200.000 đồng. Hà Vy V1 và Trần Thị Thu H1 có 01 bãi tập kết cát, thuê khoán Trịnh Hải T8, sinh năm 1996 và Lê Anh H3, sinh năm 1992, cùng trú tại: Thôn D, xã H, tỉnh Đắk Lắk sử dụng tàu khai thác cát, tiền công 600.000 - 900.000 đồng/chuyến, cát khai thác được bơm lên bãi tập kết của Hà Vy V1 và Trần Thị Thu H1. Ngày 28/4/2025, khối lượng cát tồn tại bãi cát Hà Vy V1 và Trần Thị Thu H1 là 5.212,49 m<sup>3</sup> cát thô.

Bãi tập kết cát của Hà Vy V1 và Trần Thị Thu H1 do tàu (N) khai thác cát được khoảng 729 chuyến. Ngoài ra, Hà Vy V1 và Trần Thị Thu H1 còn mua cát nội bộ của Lê Minh V5, sinh năm 1976, cư trú tại: Thôn G, xã D, tỉnh Đắk Lắk, có tàu (N), số lượng khoảng 21 chuyến tàu trong khoảng tháng 02/2025, mua của Trần Thị L1, Hà Nguyên V6 (Tý) có tàu (Nam Sơn A), số lượng 128 chuyến tàu từ khoảng tháng 02 đến tháng 4/2025, mua của Đỗ Kim K có tàu (N), số lượng khoảng 40 chuyến trong tháng 4/2025.

Đối với khối lượng cát khai thác và mua vào, Hà Vy V1 và Trần Thị Thu H1 thông qua hoạt động kinh doanh của Hợp tác xã N1 xuất bán ra ngoài cho khách hàng, liên hệ với Trần Thị Thu H1 hoặc Hà Vy V1 để mua cát và trả tiền. Cuối tháng, Trần Thị Thu H1 và Hà Vy V1 tổng hợp số liệu khai thác, xuất bán để tính doanh thu, chi phí; trường hợp có lợi nhuận chia đôi (50/50), trường hợp lỗ thì cả 02 cùng chịu. Do số lượng cát mua bán nội bộ không được Hà Vy V1 và Trần Thị Thu H1 ghi sổ sách theo dõi đầy đủ mà chỉ báo cáo số liệu cát xuất, nhập, tồn một phần cho Nguyễn Phương T5 (là Kế toán của Hợp tác xã) khi cần xuất hóa đơn hoặc báo cáo thuế. Mọi hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát được Hà Vy V1, Trần Thị Thu H1 theo dõi qua nhóm zalo “Giang Sơn 2”, “Bến gs2”, “Vlxd Chính H4”. Từ tháng 7/2024 đến tháng 4/2025, tổng khối lượng cát khai thác, xuất bán, doanh thu kê khai và doanh thu xuất bán cát thực tế của Hà Vy V1 và Trần Thị Thu H1 tại Hợp tác xã N1, cụ thể như sau: khối lượng cát khai thác kê khai là 5350m<sup>3</sup>, khối lượng cát xuất bán kê khai 4039,9m<sup>3</sup>; doanh thu kê khai: 744.230.000 đồng, doanh thu thực tế: 7.593.962.000 đồng.

- Tại Kết luận giám định số 01/KL-Cty ngày 26/5/2025 của Công ty TNHH Đ, thể hiện:

- + Bãi tập kết cát số 01 của H, khối lượng 5.212,49m<sup>3</sup>.
- + Bãi tập kết cát số 02 của Trần Ngọc B, khối lượng 22.538,53 m<sup>3</sup>.
- + Bãi tập kết cát số 03 của Phan Ngô Quốc V7, khối lượng 6.019,54 m<sup>3</sup>.

+ Bãi tập kết cát số 04 của Ngô Ngọc P, khối lượng 849,70 m<sup>3</sup> và trên tàu Nam Sơn 12, khối lượng 24,995 m<sup>3</sup>.

+ Bãi tập kết cát số 05 của Ngô Thị Thanh T9, khối lượng 595,33 m<sup>3</sup>.

+ Bãi tập kết cát số 06 của Phan Ngô Quốc V7, khối lượng 6.074,31 m<sup>3</sup>.

+ Bãi tập kết cát số 07 của Ngô Ngọc P, khối lượng 475,2 m<sup>3</sup>.

+ Bãi tập kết cát số 08 của Nguyễn Văn D1, khối lượng 2.504,93 m<sup>3</sup> và trên tàu Nam Sơn 10A, khối lượng 25,851 m<sup>3</sup>.

+ Bãi tập kết cát số 09 của Đỗ Bảo L2, khối lượng 5.109,99 m<sup>3</sup>.

+ Bãi tập kết cát số 10 của Trần Thị L1, khối lượng 3.401,46 m<sup>3</sup> và trên tàu Nam Sơn 16A, khối lượng 29,858 m<sup>3</sup>.

+ Trên tàu Nam Sơn 04, khối lượng 21,831 m<sup>3</sup>.

- Tổng khối lượng cát trên bãi là 52.781,48 m<sup>3</sup> và khối lượng cát trên tàu 102,53 m<sup>3</sup>.

- Thể tích khoang chứa của tàu:

+ Tàu N 12 là 32,288 m<sup>3</sup>.

+ Tàu Nam Sơn 10A là 56,480 m<sup>3</sup>.

+ Tàu Nam Sơn 16A là 47,52 m<sup>3</sup>.

+ Tàu Nam Sơn 04 là 28,784 m<sup>3</sup>.

- Tọa độ điểm sạt lở sông K: X=1383899, Y=466052; X=1383919, Y=466063; X=1383920, Y=466090; X=1383893, Y=466105; X=1383872, Y=466108.

- Tại Kết luận giám định tư pháp số 02/KL-BQLDA&KĐXD ngày 19/6/2025 của Ban Quản lý Dự án và Kiểm định xây dựng, Sở Xây dựng tỉnh Đ), kết luận:

+ Bãi tập kết cát số 01 của H, là cát thô.

+ Bãi tập kết cát số 02 của Trần Ngọc B, là cát thô.

+ Bãi tập kết cát số 03 của Phan Ngô Quốc V7, là cát thô.

+ Bãi tập kết cát số 04 của Ngô Ngọc P, là cát thô.

+ Bãi tập kết cát số 05 của Ngô Thị Thanh T9, là cát mịn.

+ Bãi tập kết cát số 06 của Phan Ngô Quốc V7, là cát thô.

+ Bãi tập kết cát số 07 của Ngô Ngọc P, là cát thô.

+ Bãi tập kết cát số 08 của Nguyễn Văn D1, là cát thô.

+ Bãi tập kết cát số 09 của Đỗ Bảo L2, là cát mịn.

+ Bãi tập kết cát số 10 của Trần Thị L1, là cát mịn.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 07/7/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk xác định:

+ Bãi tập kết cát số 01 của Hà Vy V1, khối lượng 5.212,49 m<sup>3</sup> cát thô, trị giá 1.198.873.000 đồng.

+ Bãi tập kết cát số 02 của Trần Ngọc B, khối lượng 22.538,53 m<sup>3</sup> cát thô, trị giá 5.183.862.000 đồng.

+ Bãi tập kết cát số 03 của Phan Ngô Quốc V7, khối lượng 6.019,54 m<sup>3</sup> cát thô, trị giá 1.384.494.000 đồng.

+ Bãi tập kết cát số 04 của Ngô Ngọc P, khối lượng 849,70 m<sup>3</sup> cát thô, trị giá 195.431.000 đồng.

+ Trên tàu Nam Sơn 12 có khối lượng 24,995 m<sup>3</sup> cát thô, trị giá 5.749.000 đồng.

+ Bãi tập kết cát số 05 của Ngô Thị Thanh T9, khối lượng 595,33 m<sup>3</sup> cát mịn, trị giá 142.879.000 đồng.

+ Bãi tập kết cát số 06 của Phan Ngô Quốc V7, khối lượng 6.074,31 m<sup>3</sup> cát thô, trị giá 1.397.091.000 đồng.

+ Bãi tập kết cát số 07 của Ngô Ngọc P, khối lượng 475,2 m<sup>3</sup> cát thô, trị giá 109.296.000 đồng.

+ Bãi tập kết cát số 08 của Nguyễn Văn D1, khối lượng 2.504,93 m<sup>3</sup> cát thô, trị giá 576.134.000 đồng.

+ Trên tàu Nam Sơn 10 có khối lượng 25,851 m<sup>3</sup> cát thô, trị giá 5.946.000 đồng.

+ Bãi tập kết cát số 09 của Đỗ Bảo L2, khối lượng 5.109,99 m<sup>3</sup> cát mịn, trị giá 1.226.398.000 đồng.

+ Bãi tập kết cát số 10 của Trần Thị L1, khối lượng 3.401,46 m<sup>3</sup> cát mịn, trị giá 816.350.000 đồng.

+ Trên tàu Nam Sơn 16A có khối lượng 29,858 m<sup>3</sup> cát mịn, trị giá 7.166.000 đồng.

+ Khối lượng 1.065,008 m<sup>3</sup> cát thô đã vận chuyển 37 chuyến, trị giá 244.952.000 đồng.

+ Trên tàu Nam Sơn 04 có khối lượng 21,831m<sup>3</sup> cát thô; trị giá 5.021.000 đồng.

- Tại Công văn số 2432/SNNMT-ĐCKS ngày 10/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ xác định: Hợp tác xã N1 khai thác cát tại các vị trí tọa độ: X=1383899, Y=466052; X=1383919, Y=466063; X=1383920, Y=466090; X=1383893, Y=466105; X=1383872, Y=466108 là chưa đúng với vị trí khai thác đã được quy định tại khoản 1 Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 16/GP-UBND ngày 09/3/2018 do UBND tỉnh cấp. (Bút lục: 96).

- Tại bản Kết luận giám định số 02/KL-Cty ngày 31/10/2025 của Công ty TNHH Đ - Công trình Đăng An N bổ sung như sau: Thể tích khoang chứa của các tàu Nam Sơn 04 là 39,904 m<sup>3</sup>, tàu Nam Sơn 10 là 59,500 m<sup>3</sup>, tàu Nam Sơn 12 là 49,200 m<sup>3</sup>, tàu Nam Sơn 16A là 56,050 m<sup>3</sup>.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 584/KL-HĐĐGTX ngày 08/12/2025 của Hội đồng định giá tài thường xuyên tỉnh Đắk Lắk xác định: Khối lượng 411,440 m<sup>3</sup> cát thô giá trị 94.631.200 đồng.

- Tại bản Kết luận giám định số 701/DLA-QLDN2 ngày 05/9/2025 của Thuế tỉnh Đ xác định: Việc Hợp tác xã N1 không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp và không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật là hành vi trốn thuế, theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội, với số tiền thuế GTGT từ tháng 7/2024 đến tháng 02/2025 thiệt hại là 601.495.740 đồng.

- Tại bản Kết luận giám định số 1463/DLA-KTr2 ngày 10/11/2025 của Thuế tỉnh Đ xác định: Việc Hợp tác xã N1 không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế GTGT, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường phải nộp và không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật là hành vi trốn thuế, theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội. Số tiền thuế GTGT từ tháng 3/2024 đến tháng 4/2025 thiệt hại là 83.480.160 đồng; Số tiền thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường từ tháng 7/2024 đến tháng 4/2025 thiệt hại là 1.224.963.900 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và các bị cáo không có ý kiến gì.

Cáo trạng số: 62/CT-VKSĐL-P3 ngày 02/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Đỗ Kim K tội: “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự và tội: “Trốn thuế” quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hà Vy V1, Trần Thị Thu H1 tội: “Trốn thuế” quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự..

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo Bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Kim K phạm tội: “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” và tội: “Trốn thuế”. Các bị cáo Hà Vy V1, Trần Thị Thu H1 phạm tội: “Trốn thuế”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Kim K 06 (Sáu) tháng tù đến 09 (Chín) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 227 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Đỗ Kim K số tiền 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Kim K từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Đỗ Kim K số tiền 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của cả hai tội: từ 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù đến 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù.

Hình phạt bổ sung của cả hai tội: Phạt bị cáo Đỗ Kim K số tiền 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Vy V1 từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Hà Vy V1 số tiền 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu H1 từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Hà Vy V1 số tiền 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự:

- Đối với khối lượng 110,46 m<sup>3</sup> cát thô là khoáng sản khai thác trái phép, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 tàu, tên phương tiện: N; số đăng ký: ĐL-0097; Chủ phương tiện: HTX khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng N1; Địa chỉ chủ phương tiện: Thôn D, Y, K, Đắc Lắc, được Đỗ Kim K sử dụng khai thác cát trái phép nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO RENO 8, màu đen, S1: e96cf440, imei 1: 866876062357955, imei 2: 866876062357948; bên trong có 01 sim 4G Vinaphone 898402000 10748186400 là công cụ Đỗ Kim K sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG S24FE, màu xanh, số sêri: R5CY218QWKL, imei 1: 350673971984646, imei 2: 353053271984645; bên trong có 01 sim 4G Mobifone 8401 2304 5026 5698 của Trần Thị Thu H1 sử dụng vào việc phạm tội cần tịch sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 14 PRO MAX, màu vàng, số máy: MQ8V3LL/A, số sêri: JYN4YXD0WQ, imei: 356200546451887, imei 2: 356200547068805; bên trong không có sim (eSIM) của Hà Vy V1 sử dụng vào việc phạm tội cần tịch sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với các phương tiện, đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án:

+ 01 tàu, tên phương tiện: N; 01 tàu, tên phương tiện: N; 01 tàu, tên phương tiện: Nam Sơn A. Cơ quan điều tra chuyển xử lý hành chính theo quy định.

+ 01 đầu ghi nhãn hiệu @Jhua TECHNOLOGY, màu đen, đã qua sử dụng; 01 đầu ghi nhãn hiệu HIKVISION, SN: F22971519, Model: DS-7204HGHI-F1, đã qua sử dụng; 01 trạm cân, kích thước (13 x 3) m đã cũ, không hoạt động; khối lượng 51.409,754 m<sup>3</sup> cát còn tồn tại bãi tập kết, được xác định không phải là vật chứng của vụ án; đối với tài liệu, hồ sơ pháp lý của Hợp tác xã N1, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra xem xét trong quá trình điều tra. Vì vậy Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Hợp tác xã N1 là phù hợp.

+ 04 xe ô tô gồm: 01 xe ô tô biển số 47C - 428.37, tên chủ xe: Công ty TNHH V9, địa chỉ: Số B H, phường T, tỉnh Đắk Lắk; 01 xe ô tô biển số 47B - 123.90, tên chủ xe: Công ty TNHH T10, địa chỉ: K, xã P, tỉnh Đắk Lắk; 01 xe ô tô biển số 47C - 119.18, tên chủ xe: Nguyễn Thị Thanh V8, địa chỉ: Tổ dân phố C, phường B, tỉnh Đắk Lắk; 01 xe ô tô biển số 47C - 369.63, tên chủ xe: Lê Minh V5, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Không liên quan đến hoạt động khai thác cát trái phép. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu trên là phù hợp.

+ 12 máy mức (máy đào bánh xích), là tài sản của các xã viên, cá nhân tham gia hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát tại Hợp tác xã N1; 13 điện thoại di động tạm giữ của các cá nhân liên quan, đã được kiểm tra nội dung, trích xuất dữ liệu nhưng không có liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp.

- Bị cáo Đỗ Kim K tự nguyện giao nộp số tiền 560.448.820 đồng để khắc phục hậu quả giá trị cát khai thác trái phép. Tuy nhiên, bị cáo chỉ phải nộp số tiền 339.583.040 đồng (là giá trị 1.476.448 m<sup>3</sup> cát thô khai thác trái phép do không có cơ sở xác định đã bán hay còn tồn) để sung vào ngân sách Nhà nước. Do vậy, đề nghị trả lại cho bị cáo số tiền 220.805.780 đồng.

Các bị cáo Đỗ Kim K, Trần Thị Thu H1, Hà Vy V1 đã tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả thiệt hại về thuế tổng cộng 1.909.939.800 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Do tham lam tư lợi nên trong khoảng thời gian Từ ngày 14/4/2025 đến ngày 28/4/2025, Đỗ Kim K, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã N1, đã tổ chức, chỉ đạo và cùng Ngô Ngọc P là xã viên Hợp tác xã N1 sử dụng tàu khai thác cát trên lòng sông Krông Ana tại “khu vực Đ” là khu vực ngoài phạm vi được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, với tổng khối lượng 2.848,174 m<sup>3</sup> cát thô, trị giá 655.080.020 đồng (Trong đó phần cát thô bị cáo Nguyễn Ngọc K3 khai thác trái phép là 1.476.448 m<sup>3</sup> cát thô trị giá là 339.583.040 đồng.

Từ tháng 7/2024 đến tháng 4/2025, Hà Vy V1 và Trần Thị Thu H1 là xã viên Hợp tác xã N1 đã xuất bán cát nhưng không báo cáo số lượng, không báo cáo doanh thu thực tế cho kế toán của Hợp tác xã để ghi chép trong sổ sách kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế GTGT, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường phải nộp và không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật là hành vi trốn thuế, theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội, với số tiền thuế GTGT, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường thiệt hại là 1.909.939.800 đồng. Đỗ Kim K mặc dù biết việc xuất bán cát tại Hợp tác xã N1 không được kê khai đầy đủ, không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước nhưng không ngăn chặn, không kịp thời chỉ đạo để thực hiện đúng quy định. Trách nhiệm đối với hành vi vi phạm về thuế xảy ra tại Hợp tác xã N1, theo quy định tại khoản 9 Điều 17 về trách nhiệm của người nộp thuế tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 thì người nộp thuế (Hợp tác xã N1) phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, trong trường hợp người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện

theo ủy quyền thay mặt người nộp thuế thực hiện thủ tục về thuế sai quy định. Hành vi của bị cáo Đỗ Kim K là phạm tội: “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự và tội: “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Hà Vy V1, Trần Thị Thu H1 phạm tội: “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự..

Điều 227 Bộ luật Hình sự quy định:

*“1. Người nào vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên trong đất liền, hải đảo, nội thủy, vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và vùng trời của Việt Nam mà không có giấy phép hoặc không đúng với nội dung giấy phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*b) Khoáng sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”.*

Điều 200 Bộ luật Hình sự quy định:

*“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:*

*b) Không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp;*

*c) Không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán;*

*3. Phạm tội trốn thuế với số tiền 1.000.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.”*

**[3]** Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là nguy hiểm, gây tác hại xấu nhiều mặt cho xã hội và ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Hành vi của bị cáo K đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước trong việc quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản, gây ảnh hưởng xấu đến địa hình, môi trường địa phương. Bị cáo là người biết rõ hoạt động khai thác khoáng sản là chỉ được khai thác trong phạm vi ranh giới đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép. Nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi, bị cáo đã bất chấp hậu quả cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người giữ chức vụ chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã N1, chịu trách nhiệm

trước đại hội thành viên và Hội đồng quản trị về nhiệm vụ được giao. Do đó, bị cáo biết rõ việc xuất bán cát do các xã viên, cá nhân khai thác khi xuất bán ra ngoài cần được theo dõi, tổng hợp kê khai chấp hành nghĩa vụ thuế, xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Nhưng bị cáo đã lơ là, không kịp thời chỉ đạo đã để cho các bị cáo Hà Vy V1, Trần Thị Thu H1 xuất bán cát không kê khai gây thiệt hại nguồn thu ngân sách Nhà nước. Do đó, đối với bị cáo cần phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo V1, H1 là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm về lĩnh vực thuế nhưng đã khắc phục cho nên đối với các bị cáo không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

**[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt:** Các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng nào tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, tự nguyện khắc phục hậu quả. Bị cáo Đỗ Kim K tự nguyện giao nộp số tiền 560.448.820 đồng giá trị cát khai thác trái phép và bị cáo cùng với Trần Thị Thu H1, Hà Vy V1 đã tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả thiệt hại về thuế tổng cộng 1.909.939.800 đồng. Các bị cáo đã tích cực phối hợp với chính quyền địa phương và Cơ quan điều tra bảo quản vật chứng trong thời gian lũ lụt, bị cáo Đỗ Kim K trong thời gian là đại diện Hợp tác xã N1 được Cục thuế tỉnh Đ tặng giấy khen năm 2020 và bị cáo có nhiều đóng góp công tác xã hội được Ủy ban nhân dân xã Y (cũ) ghi nhận tấm lòng vàng.

**[5] Về hình phạt bổ sung:** Xét thấy các bị cáo K, H1, Vi phạm tội vì mục đích tư lợi nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Trong vụ án này, đối với Ngô Ngọc P, sử dụng tàu (N) khai thác cát ngoài phạm vi được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Hợp tác xã N1. Trị giá khoáng sản khai thác trái phép dưới 500.000.000 đồng, qua xác minh Ngô Ngọc P chưa có tiền án, tiền sự về một trong các hành vi quy định tại Điều 227 Bộ luật Hình sự. Cho nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ chuyển hồ sơ để xử lý hành chính, là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn D1, Trần Thị L1 sử dụng phương tiện tàu (N, Nam Sơn A) hoạt động khai thác cát thuộc phạm vi khai thác khoáng sản cấp phép. Thời điểm ngày 28/4/2025, Nguyễn Văn D1, Trần Thị L1 sử dụng tàu đã quá thời hạn kiểm tra định kỳ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tách hồ sơ, chuyển xử lý hành chính đối với Nguyễn Văn D1, Trần Thị L1.

Đối với Ngô Quang H2, Ngô Thanh T4 là nhân viên lái tàu (N) cho Đỗ Kim K; Ngô Quốc V2, Nguyễn Kiên T7 và Nguyễn Duy V4 là nhân viên lái tàu (N) cho Ngô Ngọc P. Những người này làm công khoán theo ngày, không biết phạm vi được phép khai thác khoáng sản, không được Đỗ Kim K và Ngô Ngọc

P bàn bạc, trao đổi cho biết phạm vi được khai thác theo giấy phép khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp cho Hợp tác xã N1. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Ngô Thị Kim T2 (là vợ của Đỗ Kim K) biết hoạt động thuê khoán Ngô Quang H2 và Ngô Thanh T4 khai thác cát tại “khu vực Đ” nhưng Ngô Thị Kim T2 không biết phạm vi khu vực khai thác khoáng sản của Hợp tác xã N1. Đối với Trương Văn C2 là người góp vốn chung tàu (N) khai thác cát với Đỗ Kim K. Trong tháng 4/2025, Đỗ Kim K sử dụng tàu khai thác cát nhưng không trao đổi, bàn bạc với Trương Văn C2 về khu vực khai thác ngoài phạm vi cho phép. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn K4 phụ giúp việc theo dõi hoạt động xuất bán cát cho Trần Thị Thu H1 cùng với Hà Vy V1 tại Hợp tác xã N1. Nguyễn Văn K4 được Trần Thị Thu H1 trả tiền công riêng, theo dõi hàng ngày số lượng cát xuất bán, thu tiền rồi nhắn lên nhóm zalo, tiền bán hàng sau đó giao lại cho Hà Vy V1 để cuối tháng đối chiếu với Trần Thị Thu H1. Do vậy không có căn cứ xử lý Nguyễn Văn K4 đồng phạm với Trần Thị Thu H1, Hà Vy V1 về tội Trốn thuế.

Đối với Nguyễn Phương T5 là kế toán Hợp tác xã N1, được Đỗ Kim K phân công theo dõi số lượng cát khai thác, số lượng cát xuất bán, cát tồn, xuất hóa đơn giá trị gia tăng, báo cáo thuế, báo cáo tài chính và các khoản chi phí khác của Hợp tác xã N1. Công việc của Nguyễn Phương T5 trên cơ sở số liệu báo cáo của các xã viên, cá nhân tham gia hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát tại Hợp tác xã N1 qua gọi điện thoại, tin nhắn trao đổi, trên nhóm zalo. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Trần Ngọc B, Phan Ngô Quốc V7, Ngô Thị Thanh T9, Đỗ Bảo L2 tham gia hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát tại Hợp tác xã N1. Tại thời điểm kiểm tra, không phát hiện hoạt động khai thác cát ngoài phạm vi cấp phép, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

#### **[6] Về xử lý vật chứng:**

- Đối với khối lượng 110,46 m<sup>3</sup> cát thô là khoáng sản khai thác trái phép, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 tàu, tên phương tiện: N; số đăng ký: ĐL-0097; Chủ phương tiện: HTX khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng N1; Địa chỉ chủ phương tiện: Thôn D, Y, K, Đắc Lắc, được Đỗ Kim K sử dụng khai thác cát trái phép nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO RENO 8, màu đen, S1: e96cf440, imei 1: 866876062357955, imei 2: 866876062357948; bên trong có 01 sim 4G Vinaphone 898402000 10748186400 là công cụ Đỗ Kim K sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG S24FE, màu xanh, số sêri: R5CY218QWKL, imei 1: 350673971984646, imei 2:

353053271984645; bên trong có 01 sim 4G Mobifone 8401 2304 5026 5698 của Trần Thị Thu H1 sử dụng vào việc phạm tội cần tịch sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 14 PRO MAX, màu vàng, số máy: MQ8V3LL/A, số seri: JYN4YXD0WQ, imei: 356200546451887, imei 2: 356200547068805; bên trong không có sim (eSIM) của Hà Vy V1 sử dụng vào việc phạm tội cần tịch sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với các phương tiện, đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án:

+ 01 tàu, tên phương tiện: N; 01 tàu, tên phương tiện: N; 01 tàu, tên phương tiện: Nam Sơn A. Cơ quan điều tra chuyển xử lý hành chính theo quy định.

+ 01 đầu ghi nhãn hiệu @Jhua TECHNOLOGY, màu đen, đã qua sử dụng; 01 đầu ghi nhãn hiệu HIKVISION, SN: F22971519, Model: DS-7204HGHI-F1, đã qua sử dụng; 01 trạm cân, kích thước (13 x 3) m đã cũ, không hoạt động; khối lượng 51.409,754 m<sup>3</sup> cát còn tồn tại bãi tập kết, được xác định không phải là vật chứng của vụ án; đối với tài liệu, hồ sơ pháp lý của Hợp tác xã N1, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra xem xét trong quá trình điều tra. Vì vậy Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Hợp tác xã N1 là phù hợp.

+ 04 xe ô tô gồm: 01 xe ô tô biển số 47C - 428.37, tên chủ xe: Công ty TNHH V9, địa chỉ: Số B H, phường T, tỉnh Đắk Lắk; 01 xe ô tô biển số 47B - 123.90, tên chủ xe: Công ty TNHH T10, địa chỉ: K, xã P, tỉnh Đắk Lắk; 01 xe ô tô biển số 47C - 119.18, tên chủ xe: Nguyễn Thị Thanh V8, địa chỉ: Tổ dân phố C, phường B, tỉnh Đắk Lắk; 01 xe ô tô biển số 47C - 369.63, tên chủ xe: Lê Minh V5, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Không liên quan đến hoạt động khai thác cát trái phép. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu trên là phù hợp.

+ 12 máy mức (máy đào bánh xích), là tài sản của các xã viên, cá nhân tham gia hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát tại Hợp tác xã N1; 13 điện thoại di động tạm giữ của các cá nhân liên quan, đã được kiểm tra nội dung, trích xuất dữ liệu nhưng không có liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp.

Bị cáo Đỗ Kim K tự nguyện giao nộp số tiền 560.448.820 đồng để khắc phục hậu quả giá trị cát khai thác trái phép. Số cát thô bị cáo khai thác trái phép là 1.476.448 m<sup>3</sup> tương ứng với số tiền 339.583.040 đồng số tiền này cần sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại 220.805.780 đồng cần tuyên trả lại cho bị cáo khánh.

Đối với số tiền 1.909.939.800 đồng các bị cáo Đỗ Kim K, Trần Thị Thu H1, Hà Vy V1 đã tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả thiệt hại về thuế cần sung vào ngân sách Nhà nước.

**[8] Về án phí hình sự sơ thẩm:**

Các bị cáo Đỗ Kim K, Trần Thị Thu H1, Hà Vy V1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**[1] Về tội danh:** Tuyên bố Bị cáo Đỗ Kim K (T) phạm tội: “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” và tội: “Trốn thuế”. Các bị cáo Hà Vy V1, Trần Thị Thu H1 phạm tội: “Trốn thuế”.

**[2] Về Điều luật áp dụng và hình phạt:**

**[2.1]** Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Đỗ Kim K (T) 06 (S) tháng tù.
- Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Đỗ Kim K (T) số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

**[2.2]** Căn cứ: Khoản 3, khoản 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Đỗ Kim K (T) 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.
- Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Đỗ Kim K (T) số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Đỗ Kim K (T) chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2025 đến ngày 12/9/2025

- Hình phạt bổ sung của cả hai tội: Phạt bị cáo Đỗ Kim K (T) số tiền 70.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

**[2.3]** Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

**[2.3.1]** Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Hà Vy V1 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hà Vy V1 cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

**[2.3.2]** Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Hà Vy V1 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

**[2.3.3]** Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu H1 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Thu H1 cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

**[2.3.4]** Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Thị Thu H1 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

**[3] Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước khối lượng 110,46 m<sup>3</sup> cát thô; 01 tàu, tên phương tiện: N; số đăng ký: ĐL-0097; Chủ phương tiện: HTX khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng N1; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO RENO 8, màu đen, S1: e96cf440, imei 1: 866876062357955, imei 2: 866876062357948; bên trong có 01 sim 4G Vinaphone 898402000 10748186400 của bị cáo Đỗ Kim K; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG S24FE, màu xanh, số sêri: R5CY218QWKL, imei 1: 350673971984646, imei 2: 353053271984645; bên trong có 01 sim 4G Mobifone 8401 2304 5026 5698 của bị cáo Trần Thị Thu H1; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 14 PRO MAX, màu vàng, số máy: MQ8V3LL/A, số sêri: JYN4YXD0WQ, imei: 356200546451887, imei 2: 356200547068805; bên trong không có sim (eSIM) của bị cáo Hà Vy V1.

**Sung ngân sách Nhà nước:** Số tiền 339.583.040 đồng (*Ba trăm ba mươi chín triệu năm trăm tám mươi ba ngàn không trăm bốn mươi đồng*) bị cáo K nộp khắc phục hậu quả khai thác cát trái phép và số tiền 1.909.939.800 đồng (*Một tỷ chín trăm lẻ chín triệu chín trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng*) các bị cáo Đỗ Kim K, Trần Thị Thu H1, Hà Vy V1 đã tự nguyện giao nộp khắc phục hậu quả thiệt hại về thuế tại tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ theo các Giấy nộp tiền ngày 10/10/2025; 13/10/2025; 01/12/2025.

Tuyên trả cho bị cáo Đỗ Kim K số tiền 220.805.780 đồng (Tiền nộp khắc phục hậu quả khai thác cát trái phép theo Giấy nộp tiền ngày 13/10/2025).

- Chấp nhận Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu đối với các phương tiện, đồ vật, tài liệu, cụ thể:

+ 01 đầu ghi nhãn hiệu @Jhua TECHNOLOGY, màu đen, đã qua sử dụng; 01 đầu ghi nhãn hiệu HIKVISION, SN: F22971519, Model: DS-7204HGHI-F1, đã qua sử dụng; 01 trạm cân, kích thước (13 x 3) m đã cũ, không hoạt động; khối lượng 51.409,754 m<sup>3</sup> cát còn tồn tại bãi tập kết, được xác định không phải là vật chứng của vụ án; đối với tài liệu, hồ sơ pháp lý của Hợp tác xã N1, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra xem xét trong quá trình điều tra. Vì vậy Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Hợp tác xã N1 là phù hợp.

+ 04 xe ô tô gồm: 01 xe ô tô biển số 47C - 428.37, tên chủ xe: Công ty TNHH V9, địa chỉ: Số B H, phường T, tỉnh Đắk Lắk; 01 xe ô tô biển số 47B - 123.90, tên chủ xe: Công ty TNHH T10, địa chỉ: K, xã P, tỉnh Đắk Lắk; 01 xe ô tô biển số 47C - 119.18, tên chủ xe: Nguyễn Thị Thanh V8, địa chỉ: Tổ dân phố C, phường B, tỉnh Đắk Lắk; 01 xe ô tô biển số 47C - 369.63, tên chủ xe: Lê Minh V5, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Không liên quan đến hoạt động khai thác cát trái phép. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu trên là phù hợp.

+ 12 máy mức (máy đào bánh xích), là tài sản của các xã viên, cá nhân tham gia hoạt động khai thác, tập kết, kinh doanh cát tại Hợp tác xã N1; 13 điện thoại di động tạm giữ của các cá nhân liên quan, đã được kiểm tra nội dung, trích xuất dữ liệu nhưng không có liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp.

+ 01 tàu, tên phương tiện: N; 01 tàu, tên phương tiện: N; 01 tàu, tên phương tiện: Nam Sơn A. Cơ quan điều tra chuyển xử lý hành chính theo quy định.

*(Vật chứng có đặc điểm, số lượng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 9 tháng 02 năm 2026 giữa Công an tỉnh Đ và Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).*

**[4] Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đỗ Kim K, Trần Thị Thu H1, Hà Vy V1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa phúc thẩm TAND Tối cao tại Đà Nẵng;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (Phòng HSNV).
- CQANDT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- CQTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam số 01 - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị My My**